

Bản án số: 58/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 22/8/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49A/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Cao Văn V, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng c

Địa chỉ: tòa nhà C, Bán đảo L, H, H, H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh H

Địa chỉ phòng giao dịch: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H

Người đại diện: Ông Nguyễn Hoàng N – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị N (mẹ chị D); Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Đ (Dì chị D); Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

4/ Bà Hồ Thị N1 (Cô anh V); Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 6/11/2018 các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Cao Văn V làm lễ cưới và chung sống với nhau cách đây 12 năm (khoảng năm 2007), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin yêu nhau và thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, chị D và anh V chính thức ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay.

Về con chung: có hai con chung là Cao Thị Diễm H, sinh ngày 17/5/2008 và Cao Thị Diễm H1, sinh ngày 17/4/2009, hiện tại chị D đang nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất của cha mẹ anh V trị giá 100.000.000 đồng; 02 xe Honda hiệu Wave Alpha và vật dụng gia đình gồm: Giường, tủ, bàn ghế.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh H 8.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị N (mẹ chị D) 12.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Đ (Dì chị D) tiền hụi 10.000.000 đồng và nợ bà Hồ Thị N1 (cô anh V) 3.000.000 đồng + 05 phân vàng 24K.

Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh V; Về con chung: chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Cao Thị Diễm H, sinh ngày 17/5/2008 và Cao Thị Diễm H1, sinh ngày 17/4/2009 đến khi trưởng thành, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật; Về tài sản chung: Đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Anh V quản lý toàn bộ tài sản chung nên có trách nhiệm trả nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cao Văn V trình bày:

Anh V thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung như chị D trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D sống không thật lòng với anh V, dẫn đến vợ chồng xảy ra cự cãi và mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay chị D yêu cầu ly hôn anh V cũng thống nhất ly hôn; Về con chung: Cao Thị Diễm H, sinh ngày 17/5/2008 và Cao Thị Diễm H1, sinh ngày 17/4/2009 tùy các con quyết định muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng; Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất của cha mẹ anh V trị giá 37.000.000 đồng; 02 xe Honda hiệu Wave Alpha, khi chị D đi anh V đã bán 01 chiếc với giá 7.000.000 đồng để trả nợ, vật dụng gia đình gồm: 02 giường hộp, 01 tủ áo, 01 tủ ly. Số tài sản này anh V không đồng ý chia; Về nợ

chung; Nợ Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh H 8.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Đ (Dì chị D) tiền hụi 10.000.000 đồng và nợ bà Hồ Thị N1 (cô anh V) 3.000.000 đồng + 05 phân vàng 24K. Nếu chị D không yêu cầu chia tài sản chung thì anh V thống nhất tự nguyện trả toàn bộ nợ chung. Riêng đối với số nợ bà Nguyễn Thị N (mẹ chị D) 12.000.000 đồng thì anh V không biết.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng c – Phòng giao dịch huyện C có văn bản ngày 01/7/2019 trình bày:

Ông Cao Văn V có đại diện gia đình đứng tên vay tiền tại Ngân hàng c huyện C, số tiền còn nợ Ngân hàng là 20.000.000 đồng vào năm 2019, vay chương trình nước sạch và VSMT nông thôn, không có thế chấp tài sản tại Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng ông V và chị D ly hôn với nhau. Ngân hàng đã tự thỏa thuận với hộ vay, nên không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này và đề nghị Tòa án chấp nhận cho Ngân hàng được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị N tại bản tự khai ngày 12/5/2019 trình bày:

Năm 2014 bà N có cho chị D và anh V vay số tiền 20.000.000 đồng, đến năm 2017 chị D đã trả được 8.000.000 đồng. Hiện còn lại 12.000.000 đồng bà N yêu cầu chị D và anh V trả số nợ này.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hồ Thị N1 tại bản tự khai ngày 6/5/2019 trình bày:

Vào năm 2015 bà N1 có cho chị D và anh V vay số tiền 3.000.000 đồng và 05 phân vàng 24K. Nay chị D và anh V ly hôn bà N1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Đ theo biên bản hòa giải ngày 16/5/2019 trình bày:

Vợ chồng chị D và anh V có tham gia chơi hụi do bà Đ làm chủ hụi, sau khi hụi mãn thì chị D, anh V còn nợ 33.000.000 đồng. Sau đó anh V có trả từ từ được 23.000.000 đồng. Hiện tại còn nợ 10.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị D và anh V ly hôn, bà Đ không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Ngân hàng c, bà Nguyễn Thị N và Hồ Thị N1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Cao Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2007 và có đăng ký kết hôn năm 2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu

thuận. Nguyên nhân do vợ chồng không thật sự tin yêu nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình, dẫn đến việc vợ chồng chính thức ly thân nhau từ năm 2016 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm nhau. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu ly hôn, anh V cũng thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: 02 cháu gồm Cao Thị Diễm H, sinh ngày 17/5/2008 và Cao Thị Diễm H1, sinh ngày 17/4/2009 đều có nguyện vọng muốn sống với chị D vì chị D nuôi con chu đáo. Bản thân chị D cũng yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu H1, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật, anh V không tranh chấp quyền nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến lúc trưởng thành (tròn 18 tuổi). Đối với việc chị D yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật là phù hợp, nên Hội đồng xét xử áp dụng 1/2 mức lương cơ bản do Nhà nước quy định là 745.000 đồng, để buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745000 đồng/cháu (02 con chung là mỗi tháng 1.490.000 đồng), theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh V, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không ai yêu cầu, nên không đề cập giải quyết

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N có yêu cầu chị D và anh V trả nợ, tuy nhiên bà N không làm đơn yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho bà N thành vụ kiện khác khi có yêu cầu. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại gồm Ngân hàng, bà Đ và bà N1 không ai có yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Văn V phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Cao Văn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị Diễm H, sinh ngày: 17/5/2008 và Cao Thị Diễm H1, sinh ngày: 17/4/2009, đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh Cao Văn V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng/cháu (02 con chung là mỗi tháng

1.490.000 đồng) cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/8/2019. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh V không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không ai yêu cầu, nên không đề cập giải quyết

Về nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thể hiện tại biên lai số 0017950 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Cao Văn V phải nộp 300.000 đồng

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng